

Bản án số: **150/2020/DS-PT**

Ngày: 22 - 12 - 2020

V/v Tranh chấp đòi lại tài sản.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH SÓC TRĂNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Hùng Nuôi.

Các Thẩm phán: 1/. Ông Nguyễn Hoàng Thành.

2/. Bà Tăng Thị Thúy Nga.

- Thư ký phiên tòa: Ông Châu Trần Nhật Nguyên – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng: Ông Trần Văn Nghiệp - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 22 tháng 12 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 122/2020/TLPT-DS ngày 29 tháng 10 năm 2020, về việc “*Tranh chấp đòi lại tài sản*”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 71/2020/DS-ST ngày 18 tháng 08 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Sóc Trăng bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 172/2020/QĐ-PT ngày 18 tháng 11 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số 167/2020/QĐ-PT ngày 07 tháng 12 năm 2020, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Kiêm Đa R (tên khác T), sinh năm 1991; Địa chỉ: ấp An N, xã Thới An H, huyện K, tỉnh Sóc Trăng. (có mặt)

*** Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn:** Ông Triệu Du N - Luật sư thực hiện trợ giúp pháp lý của Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Sóc Trăng (được cử theo Quyết định số 384/QĐ-TGPL ngày 30/11/2020 của Giám đốc Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Sóc Trăng). (có mặt)

- Bị đơn:

1. Ông Thạch Sa P, sinh năm 1974;

2. Bà Kiêm Thị Hồng N, sinh năm 1971;

Cùng địa chỉ: Số 142/7, ấp An N, xã Thới An H, huyện K, tỉnh Sóc Trăng.
(có mặt)

* *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn:* Luật sư Nguyễn Văn N - Công ty Luật TNHH Phạm Nguyễn, thuộc Đoàn Luật sư thành phố Cần Thơ; Địa chỉ: Trần Khánh D, phường Xuân K, quận N, thành phố Cần Thơ. (có mặt)

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Bà Lý Thị Kim A, sinh năm 1990; Địa chỉ: Số 605/1, ấp An N, xã Thới An H, huyện K, tỉnh Sóc Trăng. (có mặt)

- *Người kháng cáo:* Ông Thạch Sa P và bà Kiêm Thị Hồng N là đồng bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, nội dung vụ án, quyết định bản án sơ thẩm và nội dung kháng cáo được tóm tắt như sau:

1. Nguyên đơn ông Kiêm Đa R trình bày: Vào ngày 02/8/2017 vợ chồng ông có nhận chuyển nhượng của ông Thạch Sa P và bà Kiêm Thị Hồng N 01 phần đất chiều ngang giáp lộ 21m, chiều sâu đến giáp sông khoảng 11m, đất tọa lạc tại ấp An N, xã Thới An H, huyện K, tỉnh Sóc Trăng, khi nhận chuyển nhượng có làm giấy tay với giá thỏa thuận là 20.000.000đồng, ông đã trả đủ tiền và nhận đất sử dụng đến nay, nhưng chưa làm thủ tục tách bộ sang tên; đến năm 2019 Nhà nước mở rộng lộ, phần đất này bị ảnh hưởng chiều ngang giáp lộ là 21 m, chiều sâu 02 m, có bồi thường số tiền khoảng 20.263.000đồng, số tiền này vợ chồng ông P đã nhận nhưng không giao lại cho ông R. Nay ông R yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Thạch Sa P và bà Kiêm Thị Hồng N trả lại cho ông R số tiền đã nhận.

2. Bị đơn ông Thạch Sa P trình bày: Ông P thừa nhận trước đây, vào năm 2017 vợ chồng ông có chuyển nhượng và làm giấy tay chuyển nhượng phần đất từ mí lộ xuống mé sông cho vợ chồng ông R, bà A. Vị trí thửa đất của ông có con lộ (từ Tập Rền đi Trà Ấch) cắt ngang chia thành hai phần, ông đã chuyển nhượng hết phần ngoài dưới mé sông cho vợ chồng ông R và bà A, ông còn lại phần đất bên trong phía trên. Lúc chuyển nhượng chỉ làm giấy tay với giá 20.000.000đồng, vợ chồng ông đã nhận đủ tiền và giao đất cho ông R sử dụng xong, nhưng chưa làm thủ tục sang tên. Lúc chuyển nhượng có giao kèo khi Nhà nước làm lộ có ảnh hưởng thì ông là người nhận tiền bồi thường, nhưng chỉ giao kèo miệng với nhau, cũng không có ai làm chứng. Khi Nhà nước làm lộ, có thông báo cho ông P đến nhận tiền bồi thường giải phóng mặt bằng, ông nhận được tổng số tiền là 44.936.600đồng (bao gồm tiền bồi thường về đất, cây trồng), số tiền này là tính luôn toàn bộ cả phần đất đã chuyển nhượng cho ông R và phần đất còn lại của ông P. Nay trước yêu cầu khởi kiện của ông R đòi ông phải hoàn trả số tiền 20.263.000đồng thì ông P không đồng ý, vì tuy phần đất đã chuyển nhượng cho ông R từ lộ đến mé sông nhưng khi bán đã có giao kèo ông P là người nhận tiền khi Nhà nước làm lộ có bồi thường. Trước đây trong quá

trình giải quyết, hòa giải ở Tòa án, vợ chồng ông có hứa sẽ chia cho ông R 5.000.000đồng để sớm kết thúc vụ án, nhưng ông R không đồng ý.

3. Bị đơn bà Kiêm Thị Hồng N trình bày: Bà N là vợ của ông Thạch Sa P, bà thống nhất với toàn bộ phần trình bày và yêu cầu của ông P, không có ý kiến khác.

4. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là bà Lý Thị Kim A trình bày: Bà A là vợ của ông Kiêm Đa R, bà thống nhất với toàn bộ phần trình bày và yêu cầu của ông R, không có ý kiến khác.

* Sự việc được Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Sóc Trăng thụ lý, giải quyết. Tại bản án dân sự sơ thẩm số 71/2020/DS-ST ngày 18 tháng 08 năm 2020, đã quyết định:

Căn cứ khoản 2 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 147, 266, 244, 271 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 129, 164, 166, 280, 288, 357 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

Căn cứ Điều 26 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014,

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; buộc ông Thạch Sa P và bà Kiêm Thị Hồng N có nghĩa vụ liên đới hoàn trả cho vợ chồng ông Kiêm Đa R, bà Lý Thị Kim A số tiền được Nhà nước hỗ trợ, bồi thường giải phóng mặt bằng là 20.263.000đồng (Hai mươi triệu hai trăm sáu mươi ba nghìn đồng).

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về chịu lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ thi hành án, về án phí sơ thẩm và thông báo quyền kháng cáo của các đương sự theo luật định.

* Ngày 01/9/2020, bị đơn Thạch Sa P và Kiêm Thị Hồng N đồng có đơn kháng cáo bản án sơ thẩm số 71/2020/DS-ST ngày 18 tháng 8 năm 2020, với lý do: Phần đất của vợ chồng đang là chủ sử dụng, khi Nhà nước thu hồi để mở rộng lộ ra đường Nam Sông Hậu, chúng tôi bị thu hồi một phần đất và được bồi thường hợp pháp, đây không phải là tiền của nguyên đơn nên chúng tôi không thể giao lại cho nguyên đơn theo Quyết định của Tòa án, bản án tuyên là không thỏa đáng, chưa phù hợp pháp luật và gây thiệt thòi quyền lợi của chúng tôi. Yêu cầu cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

* Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn Kiêm Đa R không rút lại đơn khởi kiện. Bị đơn Thạch Sa P và Kiêm Thị Hồng N giữ nguyên nội dung đơn kháng cáo. Các đương sự không tự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

* Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn đưa ra những căn cứ, lập luận và cho rằng theo giấy chuyển nhượng tuy có để kích thước nhưng theo tứ cạnh là chuyển nhượng hết diện tích, tiền bồi thường về đất là nằm trong phần đất chuyển nhượng, nên số tiền bồi thường là của nguyên đơn. Đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

* Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn thì cho rằng nguyên đơn khởi kiện đòi lại tài sản nhưng không chứng minh được số tiền bồi thường thuộc quyền sở hữu hay chiếm hữu hợp pháp của nguyên đơn, trong khi đó theo giấy chuyển nhượng chỉ chuyển nhượng chiều sâu vào chỉ 11m nhưng thực tế hơn 13m, nên không chuyển nhượng hết đất và đất được bồi thường do bị đơn đứng tên người sử dụng hợp pháp, tại thời điểm chuyển nhượng đã có quy hoạch làm lộ, số tiền bồi thường là bồi thường phần đất còn lại của bị đơn nên bị đơn được thừa hưởng, số tiền bồi thường theo phán quyết của bản án sơ thẩm là không đúng và không có căn cứ. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo và sửa bản án sơ thẩm theo hướng bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

* Kiểm sát viên phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát về việc tuân thủ và chấp hành pháp luật tố tụng của những người tiến hành tố tụng và tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm. Đồng thời, phát biểu quan điểm về tính có căn cứ, hợp pháp của kháng cáo và cho rằng kháng cáo của người kháng cáo là không có cơ sở, đề nghị không chấp nhận kháng cáo. Tuy nhiên, theo quyết định bản án sơ thẩm tuyên không đúng số tiền mà bị đơn thực nhận, nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015, sửa bản án sơ thẩm và điều chỉnh án phí sơ thẩm lại cho đúng luật định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra các chứng cứ tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng, ý kiến phát biểu và đề nghị của Luật sư, Kiểm sát viên và những người tham gia tố tụng, Hội đồng xét xử nhận định:

[I] Về tố tụng: Về chủ thể, nội dung, hình thức đơn kháng cáo và thời hạn kháng cáo của Thạch Sa P và Kiêm Thị Hồng N là đúng theo quy định tại Điều 271, Điều 272 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015, nên kháng cáo hợp lệ và đúng theo luật định, vụ án được xem xét lại theo trình tự phúc thẩm đối với nội dung kháng cáo và có liên quan đến việc kháng cáo.

[II] Về nội dung:

[1] Theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và các đương sự thừa nhận, khi Nhà nước làm lộ từ Tập Rèn đi Trà Ế (nay đường Huyện Lộ 5B) đi qua thửa đất của bị đơn Thạch Sa P và Kiêm Thị Hồng N cắt thửa đất thành hai phần, phần ngoài từ mí lộ đến mé sông (sau đây gọi là “phần ngoài”) và phần trong từ mí lộ phía trên trở vào bên trong (sau đây gọi là “phần trong”). Vào năm 2017 vợ chồng bị đơn Thạch Sa P và Kiêm Thị Hồng N chuyển nhượng

toàn bộ diện tích đất “phần ngoài” cho vợ chồng nguyên đơn Kiên Đa R và bà Lý Thị Kim A, với giá 20.000.000đồng, trong việc chuyển nhượng có làm giấy tay, vợ chồng bị đơn đã nhận đủ tiền và giao đất cho nguyên đơn sử dụng xong, nhưng chưa làm thủ tục sang tên.

[2] Tại phiên tòa phúc thẩm, tuy bị đơn không thừa nhận chuyển nhượng hết đất mà cho là chỉ chuyển nhượng chiều sâu 11m, nhưng trên thực tế bị đơn thừa nhận khi chuyển nhượng đất cho nguyên đơn không có đo đạc cụ thể và theo giấy viết tay chuyển nhượng đất có nêu tứ cận phần đất thể hiện là bị đơn đã chuyển nhượng hết diện tích đất “phần ngoài”. Đồng thời, trong quá trình giải quyết, xét xử tại cấp sơ thẩm bị đơn cũng đã thừa nhận chuyển nhượng hết diện tích đất “phần ngoài” cho nguyên đơn, nhưng cho rằng khi chuyển nhượng có giao kèo khi Nhà nước mở rộng lộ có bồi thường về đất thì tiền bồi thường bị đơn được nhận.

[3] Xét thấy, đối với toàn bộ diện tích đất “phần ngoài” trong việc chuyển nhượng tuy các bên xác lập giấy viết tay, chưa làm thủ tục chuyển quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật, nhưng các bên đã thực hiện xong, bên chuyển nhượng đã nhận đủ tiền chuyển nhượng và giao đất cho bên nhận chuyển nhượng, bên nhận chuyển nhượng đã trả đủ tiền cho bên chuyển nhượng và nhận đất sử dụng. Do đó, căn cứ theo quy định tại Điều 129 Bộ luật Dân sự năm 2015 giao dịch chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa nguyên đơn và bị đơn là có căn cứ pháp luật và không bị vô hiệu.

[4] Sau khi chuyển nhượng thì Nhà nước mở rộng đường Huyện Lộ 5B (nay đường Huyện Lộ 1) thì phần đất “phần ngoài” bị ảnh hưởng diện tích 83,6m² và được bồi thường về đất số tiền 20.165.250đồng; phần đất “phần trong” bị ảnh hưởng diện tích 96,9m² và được bồi thường về đất số tiền 23.401.350đồng; ngoài ra còn bồi thường cây trồng và chính sách hỗ trợ 2.390.000đồng. Bị đơn đã nhận toàn bộ số tiền bồi thường về đất, cây trồng và chính sách hỗ trợ là 45.956.600đồng.

[5] Tuy nhiên, theo nguyên đơn thì toàn bộ diện tích đất “phần ngoài” vợ chồng bị đơn đã chuyển nhượng cho vợ chồng nguyên đơn, nên số tiền phát sinh từ việc bồi thường về đất bị ảnh hưởng trong diện tích đất “phần ngoài” là của nguyên đơn. Ngược lại, theo bị đơn tuy toàn bộ diện tích đất “phần ngoài” đã chuyển nhượng cho nguyên đơn nhưng khi chuyển nhượng có giao kèo khi Nhà nước làm lộ có ảnh hưởng, số tiền do Nhà nước bồi thường thì bị đơn được nhận. Xét thấy, việc giao kèo theo bị đơn trình bày thì không được nguyên đơn thừa nhận, bị đơn xác nhận chỉ giao kèo miệng với nhau, không có người làm chứng và bị đơn cũng không đưa ra được chứng cứ nào khác để chứng minh nên việc bị đơn cho rằng khi chuyển nhượng có giao kèo khi Nhà nước làm lộ có ảnh hưởng thì phía bị đơn được nhận tiền do Nhà nước bồi thường là không có căn cứ.

[6] Số tiền bồi thường về đất 20.165.250đồng là phát sinh từ việc Nhà nước mở rộng đường Huyện Lộ 5B (nay đường Huyện Lộ 1) bồi thường cho diện tích 83,6m² đất bị ảnh hưởng và diện tích đất bị ảnh hưởng nằm trong diện

tích phần đất “phần ngoài” mà nguyên đơn đã nhận chuyển nhượng của bị đơn. Do đó, cấp sơ thẩm xác định số tiền được hỗ trợ bồi thường về đất là thuộc quyền sở hữu của vợ chồng nguyên đơn và chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu đòi lại số tiền bồi thường về đất là có căn cứ và đúng pháp luật.

[7] Tuy nhiên, tại Quyết định của bản án sơ thẩm tuyên buộc bị đơn hoàn trả cho nguyên đơn số tiền 20.263.000đồng là chưa chính xác và vượt số tiền bồi thường về đất mà bị đơn đã nhận là 97.750đồng (20.263.000đ – 20.165.250đ). Đồng thời, tại phiên tòa phúc thẩm nguyên đơn cũng thừa nhận và đồng ý số tiền mà bị đơn đã nhận bồi thường về đất là 20.165.250đồng. Do vậy, cấp phúc thẩm cần phải sửa bản án sơ thẩm về số tiền buộc bị đơn giao trả cho nguyên đơn cho đúng số tiền mà bị đơn đã nhận là 20.165.250đồng và điều chỉnh lại số tiền án phí sơ thẩm cho phù hợp theo quy định.

[8] Từ những phân tích và nhận định nêu trên, xét thấy toàn bộ nội dung kháng cáo của bị đơn là không có căn cứ, nên không được Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm chấp nhận. Do đó, theo Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn đề nghị chấp nhận kháng cáo là không có cơ sở.

[9] Kiểm sát viên và Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận nội dung kháng cáo của bị đơn là có căn cứ. Đồng thời, Kiểm sát viên đề áp dụng khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 sửa bản án sơ thẩm về số tiền buộc bị đơn giao trả cho nguyên đơn cho đúng số tiền mà bị đơn đã nhận và điều chỉnh lại số tiền án phí sơ thẩm cho phù hợp là có căn cứ.

[10] Do kháng cáo không được chấp nhận và việc sửa bản án sơ thẩm cũng không liên quan đến nội dung kháng cáo, nên người kháng cáo phải chịu án phí phúc thẩm theo hướng dẫn tại khoản 2 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308 và khoản 6 Điều 313 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Áp dụng khoản 2 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1/- Không chấp nhận toàn bộ nội dung kháng cáo của bị đơn Thạch Sa P và Kiêm Thị Hồng N.

2/- Sửa bản án dân sự sơ thẩm số 71/2020/DS-ST ngày 18 tháng 08 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Sóc Trăng, như sau:

Căn cứ khoản 2 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 147, 266, 244, 271 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 129, 164, 166, 280, 288, 357 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

Căn cứ Điều 26 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014,

Tuyên xử:

*1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; buộc ông Thạch Sa P và bà Kiêm Thị Hồng N có nghĩa vụ liên đới hoàn trả cho vợ chồng ông Kiêm Đa R, bà Lý Thị Kim A số tiền được Nhà nước hỗ trợ, bồi thường giải phóng mặt bằng là **20.165.250 đồng** (Hai mươi triệu một trăm sáu mươi lăm nghìn hai trăm năm mươi đồng).*

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí:

- Ông Thạch Sa P và bà Kiêm Thị Hồng N phải liên đới chịu 1.008.300 đồng (Một triệu không trăm lẻ tám nghìn ba trăm đồng).

- Ông Kiêm Đa R không phải chịu án phí và được nhận lại số tiền tạm ứng án phí ông R đã nộp là 550.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002793 ngày 28/4/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện K, tỉnh Sóc Trăng.

3/- Án phí dân sự phúc thẩm: Người kháng cáo Thạch Sa P và Kiêm Thị Hồng N mỗi người phải chịu 300.000đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp mỗi người là 300.000đồng, theo Biên lai thu số 0006587 ngày 01/09/2020 (Phai) và số 0006616 ngày 29/09/2020 (Nhiên) của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện K, tỉnh Sóc Trăng. Như vậy, người kháng cáo Thạch Sa P và Kiêm Thị Hồng N nộp đủ tiền án phí dân sự phúc thẩm.

4/- Bản án này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

5/- Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014), thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án

dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND tỉnh Sóc Trăng;
- TAND huyện K;
- Chi cục THADS huyện K;
- VKSND huyện K;
- Lưu hồ sơ vụ án - VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Hùng Nuôi